

2. KINH SA-MÔN QUẢ (*Sāmaññaphala Sutta*)¹

150. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), nơi vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, Ajātasattu (A-xà-thế), con bà Videhi (Vi-đề-hi), vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), nhân lễ Bố-tát² vào ngày rằm tháng Tư - Komudī (cây bông Súng Trắng),³ đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố-tát, cảm hứng nói rằng: “Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?”⁴

151. Khi nghe nói vậy, một đại thần tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pūraṇa Kassapa (Phú-lan Ca-diếp) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái Pūraṇa Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.”⁵ Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

152. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước

¹ Xem *D. I.* 1, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M. I.* 33, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; *II.* 29, 157, 214; *III.* 1, 29; *S. III.* 211; *IV.* 103, 110, 177; *V.* 187, 419; *A. I.* 62, 113; *II.* 16, 39, 153, 205; *III.* 93, 161; *V.* 128, 201, 347; *Vin. I.* 179; *IV.* 165; *Kvu.* 241, 481. Kinh tương đương trong bộ *Trường A-hàm kinh* là *Sa-môn quả kinh* 沙門果經 (T.01. 0001.27. 0107a20). Tham chiếu: *Tịch chí quả kinh* 寂志果經 (T.01. 0022. 0270c27); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.154. 0043c21); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.155. 0044a01); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.156. 0044a11); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.157-160. 0044a22-b11); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.161. 0044b16); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.162. 0044b29); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.163. 0044c12); *Tăng. 增* (T.02. 0125.43.7. 0762a07); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da* 根本說一切有部毘奈耶 (T.23. 1442.13. 0692b01).

² *Uposatha*: Lễ phát lồ sám hối.

³ Tháng Tư ở đây là tháng thứ tư của mùa mưa (mùa mưa Ấn Độ có 5 tháng), chư Tăng thường an cư 3 tháng đầu. Ngày Komudī tức rằm tháng thứ tư (nhằm tháng 11 dương lịch).

⁴ Xem *J. I.* 105.

⁵ *Appeva nāma*. Xem *D. I.* 179, 205; *Vin. II.* 85, 262.

Magadha: “Tâu Đại vương, có Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosāla này. Chiêm bái vị Makkhali Gosāla có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.” Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

153. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambala (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambala này. Chiêm bái Ajita Kesakambala có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.” Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

154. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đa Ca-chiên-diên) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccāyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccāyana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.” Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

155. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Sañjaya Belatṭhaputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phát) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sañjaya Belatṭhaputta này. Chiêm bái Sañjaya Belatṭhaputta này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.” Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

156. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Niganṭha Nātaputta (Ni-kiền tử) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Niganṭha Nātaputta này. Chiêm bái Niganṭha Nātaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín.” Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì.

157. Lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca ngồi yên lặng, cách Ajātasattu, con

bà Videhi, vua nước Magadha, không xa bao nhiêu. Khi ấy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, sao ngươi lại yên lặng như vậy?

– Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

158. – Vậy khanh Jīvaka, hãy cho thắng kiệu voi.

– Vâng, tâu Đại vương.

Jīvaka Komārabhacca vâng theo lời dạy của Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cưỡi, rồi tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha:

– Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời.

159. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bảo các cung phi leo lên năm trăm con voi cái, mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cưỡi, xuất hành ra khỏi Rājagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc Đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca.

Khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi đến không xa vườn xoài, Ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, ngươi phản ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi lường gạt ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này, gần một ngàn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đảnh hăng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

– Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài! Tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù! Tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới! Tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới chỗ kia, trong căn nhà tròn, chỗ có những ngọn đèn đang thấp sáng!

160. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi, liền nói với Jīvaka Komārabhacca:

– Này khanh Jīvaka, Thế Tôn ở tại đâu?

– Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Đông, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

161. Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: “Mong Hoàng tử Udāyibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy.”

– Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải?

– Bạch Thế Tôn, con thương Hoàng tử Udāyibhadda rất nhiều. Mong rằng Hoàng tử Udāyibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

162. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đánh lễ Thế Tôn, chấp tay vái chào chúng Tỷ-kheo và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

– Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

163. – Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ⁶ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rỏ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

164. – Nay Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng?

– Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

– Nay Đại vương, hãy nói lại cho Ta nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

– Bạch Thế Tôn, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

– Vậy Đại vương hãy nói đi.

⁶ *Pakkhandino* có nghĩa là xông vào. *Miln.* 331; *A.* IV. 107 có cách đọc khác cho những thuật ngữ thuộc về lãnh vực quân sự này.

165. – Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pūraṇa Kassapa,⁷ khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pūraṇa Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pūraṇa Kassapa: “Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rỏ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

166. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Pūraṇa Kassapa đã nói với con: “Này Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng chặt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu; khiến người chém giết, đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí; tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báu, mà tích được phước báu. Khi bỏ thí, điều phục, chế ngự, nói lời chân thật, thì không có phước báu, không tích được phước báu.”

Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nghiệp.⁸ Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nghiệp. Bạch Thế Tôn, con nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Pūraṇa Kassapa. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

⁷ Theo Buddhaghosa, ông là một ngoại đạo lửa thề.

⁸ *Akiriyaṃ vyākāsi*. A. I. 62; Vin. I. 235.

167. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Makkhali Gosāla. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosāla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosāla: “Ngài Gosāla, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”⁹

168. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosāla đã nói với con: “Này Đại vương, không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa.

Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp [theo năm căn], lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý], lại có toàn nghiệp [thân và khẩu] và bán nghiệp [ý]. Có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa; bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài nāga (rồng), hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sanh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavuṭā (núi hay hồ nhỏ), bảy trăm pavuṭā, bảy papāta (vực thẳm), bảy trăm papāta, bảy mộng, bảy trăm mộng.

Có tám triệu bốn trăm ngàn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người trí sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhần thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó, cũng như vậy, kẻ ngu và người trí sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.”

169. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước

⁹ Tham khảo M. I. 513.

của con không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosāla. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

170. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Ajita Kesakambala, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambala và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambala: “Ngài Ajita Kesakambala, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

171. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Ajita Kesakambala đã nói với con:¹⁰ “Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thực các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này¹¹ đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn¹² nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường¹³ trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết.”

172. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyết Đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hoặc hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyết Đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Ajita Kesakambala. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

173. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pakudha Kaccāyana. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccāyana và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với

¹⁰ Xem *M. I.* 515; *S. III.* 307.

¹¹ *Sammagato*: Bậc có chánh hướng, bậc đã đến chánh đạo hay con đường chơn chánh. Xem *J. III.* 305.

¹² Lục căn.

¹³ *Āhutiyo*. Xem *Bv. XXVII.* 10; *Kvu.* 550.

Pakudha Kaccāyana: “Ngài Pakudha Kaccāyana, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

174. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Pakudha Kaccāyana nói với con: “Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khô, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi.”

175. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Pakudha Kaccāyana. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

176. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Nigantha Nātaputta (Ni-kiền từ). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigantha Nātaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigantha Nātaputta: “Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn?”

177. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi vậy, Nigantha Nātaputta nói với con: “Này Đại vương, một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới? Này Đại vương, một Nigantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tây sạch tất cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Này Đại vương, như vậy một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, vì một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới nên vị ấy được gọi là Gatatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm).”

178. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cảm giới. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cảm giới. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?” Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cất nạn lời nói của Nigantha Nātaputta. Không tán thán, không cất nạn, dù không mẫn nguyện cũng không thốt ra lời bất mẫn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

179. Bạch Thế Tôn, một hôm con đến Sañjaya Belatthaputta. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Sañjaya Belatthaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sañjaya Belatthaputta: “Ngài Sañjaya, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

180. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Sañjaya Belatthaputta đã trả lời với con: “Nếu anh hỏi: ‘Có một thể giới khác hay không?’ Nếu tôi nghĩ: ‘Có một thể giới khác’, tôi có thể trả lời với anh: ‘Có một thể giới khác.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: ‘Không có một thể giới khác phải không?’ Nếu tôi nghĩ: ‘Không có một thể giới khác’, tôi có thể trả lời với anh: ‘Không có một thể giới khác.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. ‘Cũng có và cũng không có một thể giới khác?’... ‘Cũng không có và cũng không không có một thể giới khác?’... ‘Có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?’... ‘Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và ác?’... ‘Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?’... ‘Như Lai có tồn tại sau khi chết?’... ‘Như Lai không có tồn tại sau khi chết?’... ‘Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?’... ‘Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?’ Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: ‘Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết’, tôi có thể trả lời: ‘Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.’ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

181. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh

Sa-môn, Sañjaya Belatthaputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sañjaya Belatthaputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?” Vì vậy, Bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Sañjaya Belatthaputta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

182. Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thùng rỗng, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp khác. Họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

183. – Đại vương, có thể được. Nay Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của Đại vương]. Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, là người, tôi đây cũng là người. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của vua]. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo.” Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: “Đại vương có biết chăng, có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của

Đại vương], tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo? Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh.” Nay Đại vương, Đại vương có nói như sau chăng: “Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt”?

184. – Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại, chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

185. – Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn?

– Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

– Nay Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

186. – Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn?

– Nay Đại vương, có thể được. Nay Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha là người, tôi cũng là người. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống được cung phụng, tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thân, còn tôi là người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo.” Người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: “Đại vương có biết chăng, có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ, tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh.” Nay Đại vương, Đại vương có nói: “Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ”?

187. – Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

188. – Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, nếu quả như vậy thì đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

– Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

– Nay Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta trình bày.

189. – Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên?

– Nay Đại vương, có thể được. Nay Đại vương, hãy lắng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Vâng, Thế Tôn.

Vua Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, trả lời Thế Tôn.

190. Thế Tôn nói:

– Nay Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

191. Người gia trưởng,¹⁴ hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”

192. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

193. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*),¹⁵ đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong

¹⁴ *Gahapati*: Ở đây Buddhaghosa chỉ cho người nông dân.

¹⁵ *Pātimokkha-saṃvara saṃvutto*.

những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

194. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Đại vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ đắm dục hèn hạ. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cò, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

195. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín

thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

196. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

197. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mả võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

198. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

199. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn vị ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

200. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phật trần, vải trắng có viền tua dài; còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

201. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

202. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: “Người không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao người có thể biết Pháp và Luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước; chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị gièm pha; người đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

203. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”; còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

204. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

205. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triện tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muống, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tồ, dùng miệng phun hạt cải,... vào lửa, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thân ban phước, khoa cầu quý ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa

đoán số mạng, khoa ngừa tên bản, khoa biết tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

206. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiềm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

207. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

208. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

209. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thể tình; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

210. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rẻ về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rẻ, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến quai hàm cử động, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu thần tài Siri; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

211. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

212. Như vậy, này Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vân đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

213. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?¹⁶ Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.¹⁷ Vị ấy, nhờ sự hộ

¹⁶ Tham khảo *M. I.* 180, 268; *Miln.* 367; *Asl.* 400; *Kvu.* 424-6, 463-64.

¹⁷ Theo Buddhaghosa, *Avyāseka* nghĩa đen là không bị cái ác bao vây.

trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

214. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

215. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

216. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

217. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.¹⁸ Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng (*āloka sandhi*), chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hồi tiếc, vị ấy sống không trạo cử hồi tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

218. Này Đại vương, như một người mắc nợ,¹⁹ liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

219. Này Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

220. Này Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một

¹⁸ *Abbhijjham loke pahāya*.

¹⁹ *Inam ādāya*. Xem J. IV. 256; V. 436.

thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, hết lo sợ, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, hết lo sợ, tài sản không bị giảm tổn.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

221. Nay Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

222. Nay Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

223. Như vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

224. Nay Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, nay Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

225. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

226. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

227. Nay Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

228. Lại nữa, nay Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất

tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

229. Nay Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy vào, phương Nam không có lỗ nước chảy vào, phương Tây không có lỗ nước chảy vào, phương Bắc không có lỗ nước chảy vào, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

230. Lại nữa, nay Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

231. Nay Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

232. Lại nữa, nay Đại vương, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

233. Nay Đại vương, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

234. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt;²⁰ trong thân ấy, thức²¹ ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

235. Nay Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

236. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

237. Nay Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: “Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra.” Nay Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Nay Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: “Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra”; cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

²⁰ Xem *M. I.* 500; *II.* 17; *S. IV.* 83; *J. I.* 146.

²¹ *Vīññāna*. Buddhaghosa giải thích đây là sự nhận biết rõ ràng quá trình năm giác quan tiếp xúc các đối tượng khởi sinh cảm thọ.

238. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông.²² Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

239. Nay Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyến, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyến, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

240. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

241. Nay Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiêng, người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiêng.” Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo

²² *Iddhi* nghĩa đen là trạng thái hạnh phúc, sự thịnh vượng, thành công. Bốn sự thịnh vượng, hạnh phúc của một vị vua đó là có thân tướng đẹp, thọ mạng lâu dài, khỏe mạnh, được mọi người kính phục. Đức Phật khi chưa xuất gia cũng có những điều kiện hạnh phúc này. Khi ấy, Ngài là một thanh niên tráng kiện, sở hữu nhiều thứ như vườn ngự uyển xinh đẹp, y phục tốt đẹp, lầu các xa hoa, nhạc công vũ nữ hay thức ăn thượng vị (xem *A. I.* 145). Trạng thái an lạc của tâm khác với trạng thái hạnh phúc trần tục (xem *A. I.* 93). Buddhaghosa liệt kê 9 trạng thái an lạc tâm còn gọi là 9 năng lực siêu nhiên (xem *Als.* 91). Trong Tam tạng không có ví dụ nào mô tả cụ thể 9 loại thần thông này chỉ trừ trường hợp cuối cùng (xem *S. IV.* 289-90; *A.* III. 340-41; *MPS.* 43).

với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

242. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng;²³ tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.”

243. Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.”

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

244. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như

²³ *Sa-uttara* (chưa vô thượng) và *anuttara* (vô thượng). Cách giải thích trong bộ *Pháp tụ* (Dhs. 1292, 1293, 1596, 1597) là pháp hữu thượng và pháp vô thượng.

một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp.²⁴ Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

245. Nay Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta.”²⁵ Như vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

246. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh²⁶ siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các

²⁴ Dựa theo thuyết của người Ấn Độ về sự thành diệt của vũ trụ theo chu kỳ, mỗi chu kỳ trải qua vô lượng kiếp.

²⁵ Ba ngôi làng này tượng trưng cho ba cõi của chúng sanh: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới (*kāma, rūpa* và *arūpa*).

²⁶ *Dibbacakkhu*.

bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

247. Nay Đại vương, ví như một tòa lâu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: “Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng.” Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Nay các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

248. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là khổ diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu (*kāmāsavā*), thoát khỏi hữu lậu (*bhavāsavā*), thoát khỏi vô minh lậu (*avijjāsavā*).

Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.”

249. Nay Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ.” Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là khổ diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.”²⁷

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. Nay Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

250. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: “Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai.”

251. – Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, nay Đại vương, trong

²⁷ Xem M. I. 279; A. I. 9.

Luật của bậc Thánh,²⁸ khi những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp và ngăn chặn ở tương lai.

252. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bồn phận, nhiều việc phải làm.

– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

253. Lúc bấy giờ, khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn. Nay các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chơn chánh, đức độ, thì ngay tại chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được Pháp nhãn không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



²⁸ *Ariyānam*: Bậc cao thượng, cao quý, vượt khỏi hạng phàm phu; chỉ cho chư Phật và những vị đã chứng quả A-la-hán.

